



xiǎo zhèn

小镇

noun · small town

Example Sentences

Zhè ge xiǎo zhèn fēi cháng ān jìng

这个小镇非常安静。

This small town is very quiet.

Tā chū shēng zài yí gè měi lì de xiǎo zhèn

他出生在一个美丽的小镇。

He was born in a beautiful small town.

Trace each character, then write the word on your own.

小	小	小	小	小	小						
镇	镇	镇	镇	镇	镇	镇	镇	镇	镇	镇	镇
镇	镇	镇	镇	镇	镇	镇					